

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Yên;
2. Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Tr**, sinh năm 1999
Trú tại: Thôn 4 , xã Ph, huyện L, tỉnh Y; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh **Bàn Văn L**, sinh năm 1993
Trú tại: Thôn 4 , xã Ph, huyện L, tỉnh Y; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Triệu Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Tr và anh Bàn Văn L kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phúc L, huyện L, tỉnh Y ngày 09 tháng 5 năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L hay uống rượu say, ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Tr được ly hôn với anh Bàn Văn L.

Về con chung: Chị Tr và anh L có hai con chung con lớn Bàn Văn H, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016; con nhỏ Bàn Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018, khi ly hôn chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải nhiều lần, nhưng anh L không có mặt tại tòa án. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ, lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, anh L vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tr được ly hôn với anh L. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, thu nhập nguyện vọng của con chung. Giao cho chị Tr trực tiếp nuôi con chung hai con chung Bàn Văn H, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016; Bàn Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của Chị Triệu Thị Tr, do bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4 , xã Ph, huyện L, tỉnh Y. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do anh L được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Tr và anh Bàn Văn L kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc L, huyện L, tỉnh Y ngày 09 tháng 5 năm 2017. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị Tr, do quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, anh L đi làm ăn xa ít quan tâm đến chị Tr, vợ chồng đã sống ly thân.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng chị Tr, anh L thường xảy ra mâu

thuần căn cứ biên bản xác minh ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Thôn 4 , xã Ph, huyện L, tỉnh Y.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Tr được ly hôn với anh Bàn Văn L.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh L có hai con chung con lớn Bàn Văn H, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016; con nhỏ Bàn Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018.

Căn cứ thu nhập hiện tại của chị Tr làm nghề tự do, thu nhập bình quân hằng khoảng 6.000.000,đ (Sáu triệu) đồng, điều kiện chỗ ở ổn định, các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề yêu cầu của nguyên đơn. Chị Tr nuôi hai con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị Tr phải nộp án phí theo quy định của pháp luật do thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Tr được ly hôn với anh Bàn Văn L.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Bàn Văn Hi, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016; Bàn Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Tr phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn, nhưng được miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo.

Án xử công khai sơ thẩm chị Tr, anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh